

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/DSST
Ngày 30-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế
2. Ông Lê Kim Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2016/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự hội*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐST-DS, ngày 11/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2017/QĐST-DS, ngày 01/8/2017 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 211/TB-TA ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị P, sinh năm: 1970; (có mặt)

Địa chỉ: số 568B, ấp A, xã D, V, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị G (Cọc), sinh năm: 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 358, ấp A, xã D, V, Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị C, sinh năm: 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 567A, ấp A, D, huyện V, Đồng Tháp.

2. Bà Trần Thị M, sinh năm: 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 578, ấp A, xã D, huyện V, Đồng Tháp.

4. Chị Lê Thị C, sinh năm: 1982; (vắng mặt)

Đăng ký HKTT: ấp A, xã D, huyện V, Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1950; (vắng mặt)

Địa chỉ: 586, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Thị P trình bày: Bà P có làm chủ hội 1.000.000 đồng gồm 14 hội viên, hội khai ngày 28/8/2015 mỗi tháng khai một lần, bà G tham gia 01 phần và hót lần thứ nhất (bỏ 350.000 đồng), sau khi hót hội bà G đóng hội chết cho bà P được 07 lần, còn lại 06 lần chưa đóng là 6.000.000 đồng, hội mãn ngày 17/10/2016.

Hội 500.000 đồng gồm 21 hội viên khai ngày 30/10/2014, mỗi tháng khai một lần, bà G tham gia hai phần và bà G hót lần thứ tư và lần thứ 5, sau khi hót bà G đóng hội chết cho bà P chỉ còn 04 lần của hai phần là 4.000.000 đồng hội mãn ngày 10/7/2016, sau khi bà G không đóng hội chết cho bà P thì bà P đã choàng hội cho bà G đến khi mãn hội. Nay bà P yêu cầu bà G trả lại cho bà P 10.000.000 đồng tiền hội của hai dây hội không tính lãi.

Chứng cứ bà P đưa ra là các biên bản hòa giải ngày 25/8/2016; 29/10/2016; 15/11/2016 của Tổ hòa giải ấp A xã D huyện V. Cụ thể là biên bản hòa giải ngày 25/8/2016 bà G có thừa nhận có tham gia dây hội 500.000đ, bà G tham gia 02 phần và đã hót, và dây hội 1.000.000đ bà G tham gia 01 phần, tất cả các phần hội bà G tham gia và đã hót hết, 02 phần hội 500.000đ bà G đã hót và đóng hội chết xong, hội 1.000.000đ bà G đã hót và đóng hội chết còn lại 04 lần chưa đóng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn Nguyễn Thị G(Cọp) trình bày bà G có tham gia dây hội 1.000.000đồng do bà P làm chủ hội khai ngày 28/8/2015 gồm 14 hội viên bà G tham gia 01 phần và hót lần thứ nhất (G bỏ 350.000 đồng) sau khi hót hội bà G đóng hội chết lại cho bà P đến lần thứ 10, hiện bà G chỉ còn nợ lại 03 lần hội chết chưa đóng là 3.000.000đ.

Dây hội 500.000 đồng khai ngày 30/10/2014 gồm có 21 hội viên, bà G chỉ tham gia 01 phần và hót lần thứ nhất, sau khi hót hội bà G đã đóng hội chết cho bà P xong, việc bà P cho rằng bà G tham gia 02 phần là không đúng. Nay bà G không đồng ý trả cho bà P 10.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả 3.000.000 đồng.

Ngày 06/3/2017 Tòa án đã ra công văn số 44/CV yêu cầu đương sự P cung cấp chứng cứ về việc bà G tham gia 02 phần hội 500.000 đồng như bà P

trình bày, sau khi nhận văn bản của Tòa bà P có yêu cầu Tòa thu thập chứng cứ đối với những hội viên cùng tham gia dây hội 500.000 đồng.

Đồng thời ngày 06/3/2017 Tòa án cũng ra công văn số 45/CV(đã tổng đạt hợp lệ cho bà G) yêu cầu bà G cung cấp chứng cứ về việc đã đóng 10 lần hội chết của dây hội 1.000.000 đồng và dây hội 500.000 đồng bà G tham gia 01 phần và đã đóng hội chết xong. Đã hết thời gian quy định trong công văn mà bà G không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai người làm chứng mà bà P yêu cầu: gồm bà Lê Thị C, bà Lê Thị C, bà Trần Thị M, bà Nguyễn Thị K (Két), bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Bà Lê Thị C trình bày: P là dì của Cường, Cường có tham gia dây hội 500.000đ khai ngày 30/10/2014 do P làm chủ, gồm có 21 hội viên nhưng Cường không nhớ hết tên hội viên. Dây hội này bà G tham gia 02 phần, bà Cọp hót lần thứ mấy và đóng hội chết lại bao nhiêu Cường không biết hiện nay hội đã mất.

Bà Lê Thị C trình bày: Bà Chiêu làm em ruột của bà P, bà Chiêu có tham gia dây hội 500.000đ do bà P làm chủ, hội khai ngày 30/10/2014 gồm có 21 hội viên, trong dây hội này bà G (Cọp) tham gia 02 phần và đã hót hết 02 phần ở lần khai thứ tư và thứ năm.

Bà Trần Thị M trình bày: Mót và P không có quan hệ bà con gì chỉ là hàng xóm bà Mót có tham gia 01 phần của dây hội 500.000đ khai ngày 30/10/2014 do bà P làm chủ, hội gồm 21 hội viên, trong dây hội này bà G (Cọp) tham gia 02 phần và bà G đã hót ở lần khai thứ 4 và thứ 5, sau khi hót hội G đóng hội chết lại cho P bao nhiêu Mót không biết.

Bà Nguyễn Thị K (Két) trình bày: bà Két chỉ là hàng xóm của P, bà Két có tham gia dây hội 500.000đ gồm 21 hội viên do bà P làm chủ, hội khai ngày 30/10/2014, Két không nhớ hết tên các hội viên, trong dây hội này G(Cọp) tham gia 02 phần bà G hót ở lần khai thứ mấy thì Két không biết và bà G sau khi hót hội đóng lại bao nhiêu Két cũng không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị P khởi kiện đòi nợ hội đối với bà Nguyễn Thị G nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng dân sự hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị G mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Đối với phần hội 1.000.000đ gồm 14 hội viên, hội khai ngày 28/8/2015 mỗi tháng khai một lần bà G tham gia 01 phần và hót lần thứ

nhất sau khi hốt hụi bà G đóng hụi chết còn nợ lại 06 lần hụi chết bằng 6.000.000đ bà P đã đóng thay, nên bà P yêu cầu bà G trả lại cho bà P 6.000.000đ tiền hụi mà P đã đóng thay, đối với phần hụi này bà G cũng thừa nhận là có tham gia 01 phần và hốt lần thứ nhất như bà P trình bày là đúng, nhưng bà G trình bày sau khi hốt hụi đã đóng hụi chết cho bà P chỉ còn lại 03 lần chưa đóng là 3.000.000đ chứ không phải 06 lần là 6.000.000đ như bà P trình bày. Nay bà G chỉ đồng ý trả lại bà P 3.000.000đ của 03 lần hụi chết, không đồng ý trả 6.000.000đ như P yêu cầu. Xét yêu cầu đòi nợ hụi của bà P đối với bà G (Cọc) Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà G có tham gia 01 phần hụi 01 triệu đồng do bà P làm chủ gồm 14 hụi viên, hụi khai ngày 28/8/2015 và bà G hốt lần thứ nhất là có thật được chứng minh qua lời trình bày của đương sự nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay và thừa nhận của bị đơn trong quá trình tòa thu thập chứng cứ. Bà P cho rằng sau khi hốt hụi bà G đóng hụi chết còn nợ lại 06 lần chưa đóng là 06 triệu đồng P đã đóng thay G nên yêu cầu bà G trả lại cho bà P, bà G cho rằng chỉ còn nợ lại bà P 03 lần hụi chết của phần hụi này, Tòa án đã ra văn bản yêu cầu bà G cung cấp chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng đã hết thời hạn quy định bà G không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên việc bà P trình bày bà G còn nợ lại 06 lần hụi chết là 06 triệu đồng và yêu cầu bà G trả lại là có căn cứ hội đồng xét xử chấp nhận.

Hụi 500.000 đồng gồm 21 hụi viên khai ngày 30/10/2014, mỗi tháng khai một lần, bà G tham gia hai phần và bà G hốt lần thứ tư và lần thứ 5, sau khi hốt bà G đóng hụi chết cho bà P chỉ còn 04 lần của hai phần là 4.000.000 đồng hụi mãn ngày 10/7/2016, sau khi bà G không đóng hụi chết cho bà P thì bà P đã choàng hụi cho bà G đến khi mãn hụi. Bà P yêu cầu bà G trả lại cho bà P 4.000.000 đồng tiền hụi chết của hai phần hụi 500.000đ không tính lãi. Bà G thừa nhận có tham gia phần hụi 500.000đ gồm 21 hụi viên khai ngày 30/10/2014, mỗi tháng khai một lần, bà G tham gia 01 phần và hốt lần thứ nhất, sau khi hốt bà G đóng hụi chết cho bà P đến khi mãn hụi nên bà G không đồng ý theo yêu cầu của bà P. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà G có tham gia đây hụi 500.000 đồng do bà P làm chủ gồm 21 hụi viên, hụi khai ngày 30/4/2014 bà G cho rằng tham gia một phần và đã hốt lần thứ nhất và đã đóng hụi chết xong tới mãn hụi, bà P cho rằng bà G tham gia 02 phần và hốt lần thứ lần thứ tư và thứ năm, sau khi hốt đóng hụi chết còn lại mỗi phần là 04 lần hụi chết, tổng cộng của hai phần hụi là 08 lần số tiền 4.000.000đ. Tòa án đã ra văn bản yêu cầu bà P cung cấp chứng cứ về việc bà G có tham gia 02 phần hụi trong đây hụi 500.000đ như P trình bày bà P có yêu cầu lấy lời khai các hụi viên. Những hụi viên mà bà P yêu cầu thu thập chứng cứ gồm Lê Thị C, Lê Thị C, Trần Thị M, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Cẩm H cùng trình bày bà G có tham gia đây hụi 500.000đ do P làm chủ và bà G tham gia 02 phần, nhưng những hụi viên này không biết bà G đã hốt chưa, Bà G chỉ thừa nhận tham gia một phần và đã đóng xong hụi chết, bà P đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình biên bản hòa giải ngày 25/8/2016 của Tổ hòa giải ấp A, xã D huyện V, tỉnh Đồng Tháp bà G có thừa nhận có tham gia đây hụi 500.000đ, G tham gia 02 phần và đã hốt, và đây hụi 1.000.000đ G tham gia 01 phần, tất cả các phần hụi G

tham gia và đã hết, 02 phần hui 500.000đ G đã hết và đóng hui chết xong, hui 1.000.000đ G đã hết và đóng hui chết còn lại 04 lần chưa đóng, nên việc bà P cho rằng đây hui 500.000đ gồm 21 hui viên khai ngày 30/10/2014 bà G tham gia 02 phần và còn lại 08 lần hui chết của hai phần hui chưa đóng số tiền 4.000.000đ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Do bà G bị buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm dân sự.

Bà P được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên phải nộp án phí và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi nợ hui của bà Lê Thị P đối với bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị P 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền nợ hui.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án mà bà G chưa trả số tiền trên cho bà P thì số tiền trên được tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với từng thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ nộp 500.000đ án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Lê Thị P được nhận lại 250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 21/12/2016 theo biên lai số 08906 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2017). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy